

Biểu mẫu 07
(Theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ Giáo dục và đào tạo)

UBND HUYỆN AN LÃO
TRƯỜNG TH&THCS LÊ KHẮC CẦN

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học
Năm học 2024 – 2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	23/15	1,8 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	23	1,8 m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng diện tích đất (m²)	6039 m ²	11,68 m ² /hs
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3500 m ²	6,77 m ² /hs
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	816 m ²	48 - 56 m ² /phòng
2	Diện tích thư viện (m ²)	36 m ²	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	0	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật(m ²)	108 m ²	54 m ² /phòng
5	Diện tích phòng ngoại ngữ(m ²)	96 m ²	
6	Diện tích phòng tin học(m ²)	48 m ²	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	24 m ²	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa (m ²)	48 m ²	
9	Diện tích phòng truyền thông và hoạt động Đội (m ²)	24 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	621	



1.1	Khối lớp 1	208	2 bộ/học sinh
1.2	Khối lớp 2	93	1 bộ/1 học sinh
1.3	Khối lớp 3	99	1 bộ/học sinh
1.4	Khối lớp 4	119	1 bộ/học sinh
1.5	Khối lớp 5	102	1 bộ/học sinh
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu theo quy định	0	
1.1	Khối lớp 1	0	
1.2	Khối lớp 2	0	
1.3	Khối lớp 3	0	
1.4	Khối lớp 4	0	
1.5	Khối lớp 5	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	40	2 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị	29	
1	Ti vi	28	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	01	
5	Thiết bị khác...	02	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	*		*		0,2m ² /hs
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện đảm bảo hợp vệ sinh.).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

An Thọ, ngày 2 tháng 6 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Văn Toàn

